

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/6/2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH GIANG- TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quý Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Duy Tuấn;

2. Ông Nguyễn Đức Anh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Đại- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2021/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2021/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1982 (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn H, sinh năm 1978; (Vắng mặt lần thứ 2)

Đều ở địa chỉ: Thôn C, xã K, huyện N, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn – Chị Nguyễn Thị Tr trình bày: Chị và Anh Phạm Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân (UBND) xã K, huyện N tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/02/2002. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh H tại thôn C, xã K, huyện N. Sau đó vợ chồng đi làm ăn tại tỉnh Quảng Ninh đến cuối tuần về thôn C, xã K sinh sống. Chị xác định nơi cư trú của anh H ở thôn C, xã K, huyện N. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng không bảo ban được nhau trong cách sinh hoạt hàng ngày và phát triển kinh tế gia đình dẫn đến thường xuyên xô xát cãi vã. Từ đầu năm 2020 đến nay chị và anh H sống ly thân không ai quan tâm gì đến ai. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không còn hạnh phúc nên khởi kiện xin ly hôn anh H.

Về quan hệ con chung: Chị và anh H có hai con chung là Phạm Thị Hải L, sinh ngày 14/6/2002 và Phạm Linh C, sinh ngày 22/11/2012. Hiện cả hai con chung đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị đề nghị giao con Phạm Thị Hải L và Phạm Linh C cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu Anh Phạm Văn H phải cấp dưỡng cho con. Hiện nay, chị đang làm đầu bếp thu nhập bình quân hàng tháng là 10.000.000 đồng.

Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – Anh Phạm Văn H: Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh H đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do.

Chính quyền địa phương xã K cung cấp: Chị Tr và anh H kết hôn với nhau tự nguyện, hợp pháp, quá trình chung sống chị Tr và anh H thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Do mâu thuẫn trầm trọng chị Tr và anh H đã ly thân không ai quan tâm gì đến ai. Nay chị Tr khởi kiện xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật theo hướng giải quyết cho chị Tr, anh H ly hôn do hai bên đã ly thân từ lâu. Vợ chồng chị Tr, anh H có hai con chung là Phạm Thị Hải L, sinh ngày 14/6/2002 và Phạm Linh C, sinh ngày 22/11/2012. Hiện cả hai con chung đang do chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của các con chung, theo thông tin từ họ hàng anh H thì hiện nay anh H làm nghề tự do, nay đây mai đó, chỗ ăn ở không ổn định nên đề nghị Tòa án giao cả hai con cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi của các con chung.

Bà Bùi Thị H1 trình bày: Bà là thím của Anh Phạm Văn H xác định anh H và chị Tr kết hôn tự nguyện, hợp pháp có đăng ký kết hôn tại UBND xã K. Hiện tại, gia đình anh H chỉ có anh H sinh sống tại thôn C, xã K. Bố anh H đã mất, mẹ anh H đi lấy chồng khác ở xa. Quá trình chung sống bà biết vợ chồng anh H, chị Tr có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là gì thì bà không nắm được. Anh H có nói với bà là vợ chồng đã sống ly thân. Anh H thường về nhà sống nửa tháng đến một tháng sau đó lại đi làm ăn. Bà có hỏi anh H nhưng anh H không nói địa chỉ chỗ làm ở đâu vì anh làm nghề tự do, nay đây mai đó, chỗ ở cụ thể bà không nắm được. Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng tại nhà anh H. Khi anh H ở nhà bà đã thông báo cho anh H biết thì anh H có nói chuyện với bà về việc đã biết Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án Hôn nhân của chị Tr với anh do chị Tr thông báo với anh qua điện thoại. Ngoài ra anh H không trao đổi với bà nội dung gì khác.

Tại phiên Tòa: Chị Nguyễn Thị Tr, Anh Phạm Văn H vắng mặt. Tại đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt chị Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Giang có quan điểm xác định việc Tòa án thụ lý, quá trình giải quyết yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị Tr đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Áp dụng các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Xử cho Chị Nguyễn Thị Tr ly hôn Anh Phạm Văn H; giao con chung là Phạm Thị Hải L,

sinh ngày 14/6/2002 và Phạm Linh C, sinh ngày 22/11/2012 cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Tr về việc không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con; chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Quá trình giải quyết, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập anh H đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa song anh đều vắng mặt không có lý do; chị Tr đề nghị không tiến hành hòa giải; Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai song bị đơn - anh H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên vụ án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại các điều 207, 227 và Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Tr và Anh Phạm Văn H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã K, huyện N nơi sinh sống của anh H tổ chức đăng ký và cấp Giấy chứng nhận kết hôn, việc kết hôn không vi phạm điều cấm của luật nên hôn nhân giữa chị Tr và anh H là hợp pháp.

[3] Chị Tr khởi kiện xin ly hôn, anh H biết rõ việc chị Tr khởi kiện xin ly hôn, việc Tòa án triệu tập nhưng anh không đến làm việc, không bày tỏ quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện. Hội đồng xét xử thấy rằng, mặc dù anh H không đến Tòa án làm việc, trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị Tr song tại lời khai của chị Tr, biên bản xác minh ngày 24/5/2021, biên bản lấy lời khai của Bà Bùi Thị H là thím anh H ngày 24/5/2021 đều xác định do vợ chồng mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống và phát triển kinh tế gia đình. Vợ chồng ly thân đã lâu, không quan tâm đến nhau. Như vậy, việc anh chị đã không chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau từ đầu năm 2020 đến nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự, HĐXX căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Tr ly hôn anh H.

[4] *Về quan hệ con chung:* Chị Tr và anh H có hai con chung là Phạm Thị Hải L, sinh ngày 14/6/2002 và Phạm Linh C, sinh ngày 22/11/2012. Hiện cả hai con chung đang do chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Chị đề nghị giao cả hai con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con; HĐXX thấy rằng, tại biên bản lấy lời khai của cháu Hải L, Linh C đều có nguyện vọng ở với chị Tr. Mặt khác, chị Tr có công việc và chỗ ở ổn định còn anh H là lao động tự do nay đây mai đó, không có chỗ ở ổn định phù hợp với biên bản xác minh ngày 24/5/2021 xác định anh H là người không có công việc và chỗ ở ổn định chính quyền xã K đề nghị Tòa án giao cả hai con chung cho chị Tr nuôi dưỡng. Căn cứ vào quy định của pháp luật, nguyện vọng, điều kiện của các bên, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, HĐXX giao con chung là Phạm Thị Hải L và Phạm Linh C cho chị Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự nguyện của chị Tr về việc không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng cho con.

[5] *Về quan hệ tài sản*: Do không có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Tr khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các điều: 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về... án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho Chị Nguyễn Thị Tr ly hôn Anh Phạm Văn H.

2. *Về quan hệ con chung*: Xử giao cho Chị Nguyễn Thị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Thị Hải L, sinh ngày 14/6/2002 và Phạm Linh C, sinh ngày 22/11/2012 cho đến khi đủ 18 tuổi (trưởng thành); Chấp nhận sự tự nguyện của Chị Nguyễn Thị Tr về việc không yêu cầu Anh Phạm Văn H phải cấp dưỡng cho con.

Anh Phạm Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, con mà không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Tr phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0004484, ngày 22 tháng 4 năm 2021.

4. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ninh Giang;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Giang;
- UBND xã K, huyện N;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Quý Long

